

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAU QUẢ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

---

Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Như Bình	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Võ Thành Danh	Thành viên Độc lập (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 và miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2017)
Ông Cao Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)
Ông Tô Việt Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Duy Hùng	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2017)
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017 và miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2017)
Ông Đặng Như Bình	Giám đốc điều hành (miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017)
Bà Nguyễn Đỗ Thanh Phương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2017)
Ông Đặng Vĩnh Hùng	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)
Ông Đoàn Duy Hiến	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)
Bà Trần Thị Quỳnh Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)
Ông Bùi Hoàng Chương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Duy Hùng**  
**Giám đốc**

*Ngày 31 tháng 3 năm 2018*



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 033105/2018/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Càng Rau Quả**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên tư vấn độc lập khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán phát hành ngày 16 tháng 5 năm 2017.



**Khúc Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2018-072-1  
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018

**Lương Giang Thạch**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2178-2018-072-1



Thành viên hãng agn International / Member Firm of agn International

Kiểm toán/Audit, Kế toán/Accounting, Tư vấn thuế/Tax Consulting, Tài chính/Finance

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.544.692.003.999</b>	<b>76.807.305.103</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>36.538.355.536</b>	<b>28.540.247.132</b>
1. Tiền	111		5.808.355.536	8.447.052.688
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.730.000.000	20.093.194.444
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.507.088.126.227</b>	<b>46.676.505.779</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.267.159.013.535	49.505.620.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	647.112.395.609	5.246.171.448
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	286.956.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	326.219.644.889	1.249.968.895
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(20.358.927.806)	(9.325.254.774)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.816.182</b>	<b>3.582.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	3.816.182	3.582.000
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.061.706.054</b>	<b>1.586.970.192</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.020.451.041	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.255.013	75.627.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.511.342.797
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.083.643.103</b>	<b>85.349.206.893</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>25.400.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	25.400.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.686.558.794</b>	<b>14.984.404.522</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.686.558.794	14.940.237.851
- Nguyên giá	222		43.085.205.252	47.144.266.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.398.646.458)	(32.204.028.585)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	44.166.671
- Nguyên giá	228		-	188.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(143.833.329)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>37.370.305.882</b>	<b>70.143.761.530</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	37.370.305.882	70.143.761.530
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.778.427</b>	<b>195.640.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	26.778.427	195.640.841
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.598.775.647.102</b>	<b>162.156.511.996</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.423.692.204.448</b>	<b>8.689.680.476</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.422.516.204.448</b>	<b>8.689.680.476</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.003.809.627.108	1.127.005.347
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	649.561.528.953	9.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.412.370.202	1.392.321.535
4. Phải trả người lao động	314		928.601.676	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	26.225.168.650	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	2.575.973.528	3.164.668.362
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	735.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.934.331	2.996.485.232
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.176.000.000</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	1.176.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>175.083.442.654</b>	<b>153.466.831.520</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>175.083.442.654</b>	<b>153.466.831.520</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.146.920.000	82.146.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.146.920.000	82.146.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.390.192.180	32.390.192.180
3. Cổ phiếu quỹ	415		(8.157.331.384)	(8.157.331.384)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.917.711.068	36.917.711.068
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.793.108.706	1.176.497.572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		22.793.108.706	1.176.497.572
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		8.992.842.084	8.992.842.084
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>3.598.775.647.102</b>	<b>162.156.511.996</b>



Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 31 tháng 3 năm 2018



Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Phạm Duy Hùng  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	5.202.399.723.811	40.498.873.740
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.202.399.723.811	40.498.873.740
4. Giá vốn hàng bán	11	24	5.183.208.623.996	24.714.589.341
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.191.099.815	15.784.284.399
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	60.165.160.195	4.339.517.917
7. Chi phí tài chính	22	26	56.052.363.467	119.375.014
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.173.258.940	114.365.944
8. Chi phí bán hàng	25	27	3.056.448.856	5.068.973.272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	18.800.232.333	14.807.322.744
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		1.447.215.354	128.131.286
11. Thu nhập khác	31	29	28.355.270.147	9.261.182.398
12. Chi phí khác	32	30	34.915.899	59.513.867
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		28.320.354.248	9.201.668.531
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.767.569.602	9.329.799.817
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	5.994.317.130	1.892.564.645
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		23.773.252.472	7.437.235.172
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.913	875



Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 31 tháng 3 năm 2018



Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Phạm Duy Hùng  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>29.767.569.602</b>	<b>9.329.799.817</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.420.433.140	2.902.716.759
Các khoản dự phòng	03	11.033.673.032	9.325.254.774
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(43.768.826.532)	(10.627.422.806)
Chi phí lãi vay	06	33.173.258.940	114.365.944
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>32.626.108.182</b>	<b>11.044.714.488</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.171.336.212.918)	7.071.310.394
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(234.182)	715.228
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.672.904.351.628	4.673.297.476
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(851.588.627)	(134.971.660)
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.825.302.776)	(114.365.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(759.689.646)	(3.205.607.607)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.150.192.239)	(10.078.558.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(502.392.760.578)</b>	<b>9.256.533.475</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.688.135.907)	(21.689.178.770)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	69.389.719.239	26.116.818.182
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(401.500.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	114.544.000.000	34.150.000.000
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.647.488.850	1.548.381.594
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(224.606.927.818)</b>	<b>40.126.021.006</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.384.700.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(649.700.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.203.200)	(22.831.759.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>734.997.796.800</b>	<b>(22.831.759.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>7.998.108.404</b>	<b>26.550.795.081</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.540.247.132	1.989.452.051
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	36.538.355.536	28.540.247.132



Trương Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 31 tháng 3 năm 2018



Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Phạm Duy Hùng  
Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Giao Nhận Kho Vận Rau Quả (doanh nghiệp nhà nước là thành viên của Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam) theo quyết định số 20/02/2001/QĐ-TTg ngày 20/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302336158 ngày 25 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 7 tháng 8 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.146.920.000 VND, được chia thành 8.214.692 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngày 8 tháng 8 năm 2017, Công ty chịu sự kiểm soát về quản trị và điều hành từ Tổng Công ty Rau Quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và chính thức trở thành công ty con của công ty này.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 1 Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 28 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 43).

#### **Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn thực phẩm; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ đóng gói; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; điều hành tua du lịch; chế biến và bảo quản rau quả; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất sứ men, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở); trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở); khai thác gỗ, cửa, xẻ, bào gỗ và bào quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở); bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Hoạt động mang lại doanh thu và lợi nhuận chủ yếu trong năm của Công ty là bán buôn hàng hóa nông sản (ngô hạt, lúa mì, đậu tương) dưới hình thức mua bán sang tay, không trừ hàng tồn kho với tỷ lệ lợi nhuận góp dao động từ 0,02% đến 0,11%. Ngoài ra trong năm Công ty còn có hoạt động khai thác cảng, cho thuê kho bãi.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Nợ phải thu** (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc thiết bị	10 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 11

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa mặt đường. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	21.586.890	68.499.334
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.786.768.646	8.378.553.354
Các khoản tương đương tiền (i)	30.730.000.000	20.093.194.444
<b>Cộng</b>	<b>36.538.355.536</b>	<b>28.540.247.132</b>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Xuất nhập khẩu Hà Nội	807.124.852.868	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Công Mỹ Nghệ	685.947.047.845	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả I	368.385.137.120	-
Công ty Cổ phần Càng Quảng Ninh	302.957.604.384	-
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	29.084.182.579	31.273.292.549
Công ty TNHH Gotec Việt Nam	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	73.660.188.739	8.232.327.661
<b>Cộng</b>	<b>2.267.159.013.535</b>	<b>49.505.620.210</b>

Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35 - bên liên quan)

10.365.876.604

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	334.522.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh TM Thịnh Phát	252.000.000.000	-
Công ty TNHH Nông Nghiệp T&T	60.042.150.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại P&T	-	2.915.061.928
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes	-	1.498.043.911
Các khoản trả trước cho người bán khác	548.245.609	833.065.609
<b>Cộng</b>	<b>647.112.395.609</b>	<b>5.246.171.448</b>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh (i)	190.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (ii)	63.966.000.000	-
Công ty TNHH Nông Nghiệp T&T (iii)	32.990.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>286.956.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản cho vay với hạn mức 190.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất cho vay là 9,5%/năm. Khoản tiền cho vay này không được đảm bảo bằng tài sản nào từ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh.

(ii) Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T vay, chi tiết như sau:

+ Khoản cho vay với hạn mức 62.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là không quá 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất cho vay là 9,5%/năm. Khoản tiền cho vay này không được đảm bảo bằng tài sản nào từ Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Số dư khoản cho vay trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 62.000.000.000 VND;

+ Khoản cho vay với hạn mức 10.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là không quá 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất cho vay là 9,5%/năm. Khoản tiền cho vay này không được đảm bảo bằng tài sản nào từ Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 số dư khoản cho vay trên là 1.966.000.000 VND.

(iii) Đây là khoản cho vay với hạn mức 139.500.000.000, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất cho vay là 9,5%/năm. Khoản tiền cho vay này không được đảm bảo bằng tài sản nào từ Công ty TNHH Nông Nghiệp T&T. Số dư khoản cho vay trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 32.990.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về Hợp tác kinh doanh (i)	266.690.000.000	-
Phải thu lãi bán hàng trả chậm	44.385.362.166	-
Phải thu lãi từ cho vay ngắn hạn	13.908.147.527	-
Phải thu lãi quá hạn thanh toán	789.109.970	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	169.427.499	94.722.300
Tạm ứng cho nhân viên	89.000.000	147.326.000
Phải thu khác	188.597.727	1.007.920.595
	<b>326.219.644.889</b>	<b>1.249.968.895</b>

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan  
(chi tiết tại Thuyết minh số 35 - bên liên quan)

22.162.194.204

(i) Đây là các khoản phải thu về hợp tác kinh doanh, chi tiết như sau:

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh (Quang Vinh) để thực hiện hoạt động kinh doanh nông sản. Thời gian hợp tác dự kiến giữa hai bên là 6 tháng. Vốn kinh doanh hai bên cam kết góp theo hợp đồng là 492.633.000.000 VND. Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế. Kết thúc thời gian hợp tác, nếu không có lợi nhuận hoặc thua lỗ thì Quang Vinh phải trả cho Công ty vốn đã góp cộng với mức lợi nhuận cố định 9,5%/năm. Số dư khoản hợp tác kinh doanh này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 261.690.000.000 VND;

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần XNK Hạt điều và Hàng Nông sản Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện hoạt động kinh doanh hạt điều và các sản phẩm nông sản. Thời gian hợp tác dự kiến giữa hai bên là 6 tháng. Vốn kinh doanh hai bên cam kết góp theo hợp đồng là 40.000.000.000 VND. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp tác sẽ được chia theo tỷ lệ đóng góp thực tế về nguồn lực và vốn. Số dư khoản hợp tác kinh doanh này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.000.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI**

	31/12/2017		01/01/2017		Thời gian quá hạn	Đổi tương tự
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.084.182.579	8.725.254.773	31.273.292.549	21.948.037.775	<1 năm	Công ty Cổ phần Otrun Miền Nam
<b>Cộng</b>	<b>29.084.182.579</b>	<b>8.725.254.773</b>	<b>31.273.292.549</b>	<b>21.948.037.775</b>		
<b>Giá trị đã trích lập dự phòng</b>		<b>(20.358.927.806)</b>		<b>(9.325.254.774)</b>		

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.816.182	-	3.582.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.816.182</b>	<b>-</b>	<b>3.582.000</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa chống ngập bãi, đường nội bộ	1.015.678.313	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.772.728	-
<b>Cộng</b>	<b>1.020.451.041</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí văn phòng phẩm	26.778.427	195.640.841

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	29.997.453.264	936.242.088	14.008.262.153	543.330.222	1.658.978.709	47.144.266.436
Tăng trong năm	7.587.774.000	-	-	-	-	7.587.774.000
XDCB hoàn thành	96.000.000	-	-	-	-	96.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(115.013.636)	-	(11.595.334.548)	(32.487.000)	-	(11.742.835.184)
Tại ngày 31/12/2017	<b>37.566.213.628</b>	<b>936.242.088</b>	<b>2.412.927.605</b>	<b>510.843.222</b>	<b>1.658.978.709</b>	<b>43.085.205.252</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	21.000.715.170	706.465.578	8.294.538.906	543.330.222	1.658.978.709	32.204.028.585
Khấu hao trong năm	1.512.917.483	28.135.896	864.657.540	-	-	2.405.710.919
Thanh lý, nhượng bán	(115.013.636)	-	(8.063.592.410)	(32.487.000)	-	(8.211.093.046)
Tại ngày 31/12/2017	<b>22.398.619.017</b>	<b>734.601.474</b>	<b>1.095.604.036</b>	<b>510.843.222</b>	<b>1.658.978.709</b>	<b>26.398.646.458</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	<b>8.996.738.094</b>	<b>229.776.510</b>	<b>5.713.723.247</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.940.237.851</b>
Tại ngày 31/12/2017	<b>15.167.594.611</b>	<b>201.640.614</b>	<b>1.317.323.569</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.686.558.794</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 19.460.138.115 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 22.668.905.670 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Giá trị đầu tư 8 căn hộ Vinhomes Central Park	19.195.039.290	15.201.783.243
Khu Thương mại Kim Thành Lào Cai (i)	18.175.266.592	18.155.930.592
Bất động sản ở Bảo Lộc - Lâm Đồng	-	35.972.540.195
Bất động sản ở Bình Dương	-	717.507.500
Chi phí khác	-	96.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.370.305.882</b>	<b>70.143.761.530</b>

(i) Đây là dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại - khách sạn và văn phòng cho thuê theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000026 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp, lần thay đổi giấy chứng nhận gần nhất là ngày 15 tháng 10 năm 2009.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp - Công ty Cổ Phần	722.843.328.250	722.843.328.250	-	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	422.606.417.926	422.606.417.926	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Tân Mai	338.642.794.900	338.642.794.900	-	-
Công ty Cổ Phần Hum	261.792.220.414	261.792.220.414	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư TIC Hà Nội	257.876.510.400	257.876.510.400	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafo	-	-	420.454.544	420.454.544
Phải trả nhà cung cấp khác	48.355.218	48.355.218	706.550.803	706.550.803
<b>Cộng</b>	<b>2.003.809.627.108</b>	<b>2.003.809.627.108</b>	<b>1.127.005.347</b>	<b>1.127.005.347</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thăng Hoa	287.195.700.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	276.382.147.915	-
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	55.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Hong Kong	29.933.681.038	-
Người mua trả tiền trước khác	500.000.000	9.200.000
<b>Cộng</b>	<b>649.561.528.953</b>	<b>9.200.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.511.342.797	1.511.342.797	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.511.342.797</b>	<b>1.511.342.797</b>	-	-
<b>b. Phải nộp</b>				
	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.646.135.224	1.444.810.824	201.324.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.482.974.333	759.689.646	3.723.284.687
Thuế thu nhập cá nhân	1.161.321.535	333.548.938	1.252.109.358	242.761.115
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	231.000.000	3.369.857.611	3.355.857.611	245.000.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.392.321.535</b>	<b>9.835.516.106</b>	<b>6.815.467.439</b>	<b>4.412.370.202</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	3.347.956.164	-
Chi phí lãi trả chậm tiền hàng	22.877.212.486	-
<b>Cộng</b>	<b>26.225.168.650</b>	-

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.241.814.042	2.651.959.042
Cổ tức phải trả	163.374.120	165.577.320
Kinh phí công đoàn	1.936.452	-
Các khoản phải trả khác	168.848.914	347.132.000
	<b>2.575.973.528</b>	<b>3.164.668.362</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.176.000.000	-
	<b>1.176.000.000</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2b. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh An Giang (i)	735.000.000.000	735.000.000.000	735.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phú Nhật	-	-	584.700.000.000	584.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&F	-	-	65.000.000.000	65.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>735.000.000.000</b>	<b>735.000.000.000</b>	<b>1.384.700.000.000</b>	<b>649.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Số dư vay nợ cuối kỳ là khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh An Giang theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ký ngày 30 tháng 11 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng là 286.000.000.000 VND, thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 8,75%/năm, được cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 1609-2017/CRQ-BB/22K ngày 16 tháng 9 năm 2017 và 1809-2017/CRQ-BB/40K ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả và Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Xuất nhập khẩu Hà Nội. Số dư khoản vay này đến 31 tháng 12 năm 2017 là 286.000.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ký ngày 8 tháng 12 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng là 177.000.000.000 VND, thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 8,75%/năm, được cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 2709-2017/CRQ-BB/40K ngày 27 tháng 9 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả và Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Xuất nhập khẩu Hà Nội. Số dư khoản vay này đến 31 tháng 12 năm 2017 là 177.000.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ký ngày 30 tháng 12 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng là 272.000.000.000 VND, thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,1%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau cao nhất khách hàng cá nhân của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay là 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 2710-2017/CRQ-BB/65K ngày 27 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả và Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh. Số dư khoản vay này đến 31 tháng 12 năm 2017 là 272.000.000.000 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Có phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XD/CB		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>82.146.920.000</b>	<b>32.390.192.180</b>	<b>(8.157.331.384)</b>	<b>35.485.069.729</b>	<b>25.965.296.393</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>176.822.989.002</b>						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.437.235.172	-	7.437.235.172						
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.432.641.339	(1.432.641.339)	-	-						
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(12.793.772.054)	-	(12.793.772.054)						
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.999.620.600)	-	(17.999.620.600)						
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>82.146.920.000</b>	<b>32.390.192.180</b>	<b>(8.157.331.384)</b>	<b>36.917.711.068</b>	<b>1.176.497.572</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>153.466.831.520</b>						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	23.773.252.472	-	23.773.252.472						
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(2.156.641.338)	-	(2.156.641.338)						
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>82.146.920.000</b>	<b>32.390.192.180</b>	<b>(8.157.331.384)</b>	<b>36.917.711.068</b>	<b>22.793.108.706</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>175.083.442.654</b>						

(i) Đại hội cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	38,43%	31.566.000.000	38,43%	31.566.000.000
Các Cổ đông khác	61,57%	50.580.920.000	61,57%	50.580.920.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>82.146.920.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>82.146.920.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.214.692	8.214.692
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	8.214.692	8.214.692
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.214.692	8.214.692
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	388.770	388.770
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	388.770	388.770
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.825.922	7.825.922
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.825.922	7.825.922
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
Ngại tệ các loại		
- USD	7.477,65	7.499,24
- EUR	855,90	866,77
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	3.261.862.048	3.261.862.048

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.174.051.057.081	966.790.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.348.666.730	39.532.083.740
<b>Cộng</b>	<b>5.202.399.723.811</b>	<b>40.498.873.740</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.171.259.187.983	935.000.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.949.436.013	23.779.589.341
<b>Cộng</b>	<b>5.183.208.623.996</b>	<b>24.714.589.341</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2017	2016
	VND	VND
Lãi bán hàng trả chậm	44.534.818.619	2.772.753.891
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.630.341.576	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	160.132
<b>Cộng</b>	<b>60.165.160.195</b>	<b>4.339.517.917</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	33.173.258.940	114.365.944
Lãi trả chậm tiền hàng	22.877.212.486	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.111.845
Chi phí tài chính khác	1.892.041	1.897.225
<b>Cộng</b>	<b>56.052.363.467</b>	<b>119.375.014</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	1.708.428.346	2.883.530.382
Các khoản chi phí khác	1.348.020.510	2.185.442.890
<b>Cộng</b>	<b>3.056.448.856</b>	<b>5.068.973.272</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.008.799.390	3.304.957.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	663.166.932	520.107.290
Chi phí dự phòng	11.033.673.032	9.325.254.774
Các khoản chi phí khác	2.094.592.979	1.657.003.161
<b>Cộng</b>	<b>18.800.232.333</b>	<b>14.807.322.744</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (i)	24.732.400.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.406.084.956	9.074.707.817
Các khoản thu nhập khác	216.785.191	186.474.581
<b>Cộng</b>	<b>28.355.270.147</b>	<b>9.261.182.398</b>

(i) Đây là khoản thu nhập nhận bồi thường từ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông Đô 1 - BQP về việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất lô B1, lô B2, lô B3, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư kế cận Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	13.888.905
Các khoản chi phí khác	34.915.899	45.624.962
<b>Cộng</b>	<b>34.915.899</b>	<b>59.513.867</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH HIỆN HÀNH**

	2017 VND	2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>29.767.569.602</b>	<b>9.329.799.817</b>
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	204.016.046	133.023.409
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>204.016.046</i>	<i>133.023.409</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>29.971.585.648</b>	<b>9.462.823.226</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	5.994.317.130	1.892.564.645
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.994.317.130</b>	<b>1.892.564.645</b>

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.773.252.472	7.437.235.172
Trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(980.143.766)	(588.248.786)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>22.793.108.706</b>	<b>6.848.986.386</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	7.825.922	7.825.922
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.913</b>	<b>875</b>

(i) Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là số tạm trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017.

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo tài chính kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017.

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.144.000	271.120.690
Chi phí nhân công	6.717.227.736	6.188.487.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.420.433.140	2.902.716.759
Chi phí dự phòng	11.033.673.032	9.325.254.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.763.039.087	13.317.513.156
Chi phí khác bằng tiền	8.911.855.220	11.650.792.077
<b>Cộng</b>	<b>33.847.372.215</b>	<b>43.655.885.357</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.354.514.290	2.345.679.770
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	3.018.923.502	3.018.923.502
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.539.763.804	9.307.728.906
Sau năm năm	5.772.043.200	6.023.001.600
<b>Cộng</b>	<b>15.330.730.506</b>	<b>18.349.654.008</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 52.166,7 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ số 01 đường Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê tạm tính đến ngày 28 tháng 2 năm 2017 là 53.060 VND/m<sup>2</sup>/năm, giá thuê đất từ ngày 1 tháng 3 năm 2017 là 32.010 VND/m<sup>2</sup>/năm, thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm tính từ năm 2012.

- Tổng số tiền thuê 2.800 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 522 tại phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê tạm tính 89.628 VND/m<sup>2</sup>/năm, thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm tính từ năm 2001.

**35. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ

*Sơ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	10.365.876.604	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	22.162.194.204	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2017 VND	2016 VND
<b>Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần</b>		
Doanh thu Bán hàng hóa	399.925.203.900	-
Thu nhập tài chính từ lãi chậm thanh toán	22.162.194.204	-
Thu tiền bán hàng hóa	389.559.327.296	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm</b>		
	2017 VND	2016 VND
Lương và thưởng	1.898.631.240	1.360.637.500

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, hàng nông sản; hoạt động logistics; hoạt động khai thác cảng, kho bãi. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, hàng nông sản: buôn bán si ngô hạt, đậu tương, lúa mì theo hình sang tay, không trữ hàng tồn kho;
- Hoạt động logistics: đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải hàng hóa đường bộ bằng container, vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Hoạt động khai thác cảng, kho bãi: khai thác cảng, phao neo tàu, cho thuê kho bãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

	Kinh doanh xuất nhập khẩu, hàng hóa nông sản VND	Hoạt động logistic VND	Hoạt động khai thác cảng, kho bãi VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu thuần</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.174.051.057.081	5.466.529.479	22.882.137.251	5.202.399.723.811
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.174.051.057.081</b>	<b>5.466.529.479</b>	<b>22.882.137.251</b>	<b>5.202.399.723.811</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	5.171.259.187.983	5.492.146.960	6.457.289.053	5.183.208.623.996
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.171.259.187.983</b>	<b>5.492.146.960</b>	<b>6.457.289.053</b>	<b>5.183.208.623.996</b>
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>	<b>2.791.869.098</b>	<b>(25.617.481)</b>	<b>16.424.848.198</b>	<b>19.191.099.815</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				60.165.160.195
Chi phí tài chính				56.052.363.467
Chi phí bán hàng				3.056.448.856
Chi phí quản lý doanh nghiệp				18.800.232.333
Thu nhập khác				28.355.270.147
Chi phí khác				34.915.899
Chi phí thuế TNDN hiện hành				5.994.317.130
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại				-
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>				<b>23.773.252.472</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

	Kinh doanh xuất nhập khẩu, hàng hóa nông sản VND	Hoạt động logistic VND	Hoạt động khai thác cảng, kho bãi VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu thuần</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	966.790.000	20.782.466.453	18.749.617.287	40.498.873.740
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>966.790.000</b>	<b>20.782.466.453</b>	<b>18.749.617.287</b>	<b>40.498.873.740</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	935.000.000	20.411.809.934	3.367.779.407	24.714.589.341
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>935.000.000</b>	<b>20.411.809.934</b>	<b>3.367.779.407</b>	<b>24.714.589.341</b>
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>	<b>31.790.000</b>	<b>370.656.519</b>	<b>15.381.837.880</b>	<b>15.784.284.399</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				4.339.517.917
Chi phí tài chính				119.375.014
Chi phí bán hàng				5.068.973.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp				14.807.322.744
Thu nhập khác				9.261.182.398
Chi phí khác				59.513.867
Chi phí thuế TNDN hiện hành				1.892.564.645
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại				-
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>				<b>7.437.235.172</b>

**37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2018, ông Võ Thành Danh được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Số sau điều chỉnh lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	647	228	875



**Trương Thị Hải Yến**  
Người lập biểu  
Ngày 31 tháng 3 năm 2018



**Trương Thị Hải Yến**  
Kế toán trưởng



**Phạm Duy Hùng**  
Giám đốc